

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
PHONG PHÚ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

1. Thông tin chung về tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (công ty mẹ) và công ty con là Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam.

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301427564 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 25 tháng 03 năm 2003;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai ngày 02 tháng 03 năm 2007 về việc bổ sung tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh ;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ ba ngày 25 tháng 10 năm 2007 về việc thay tăng vốn điều lệ từ 6.000.000.000 VND lên 22.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tư ngày 13 tháng 11 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ năm ngày 16 tháng 08 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0301427564;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ sáu ngày 09 tháng 09 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc sang ông Hồ Vinh Hiển;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ bảy ngày 28 tháng 10 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ từ 22.000.000.000 VND lên 23.355.000.000 VND; đồng thời, bổ sung thông tin về 83 chi nhánh của Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tám ngày 11 tháng 02 năm 2011 về việc giảm số chi nhánh từ 83 chi nhánh xuống còn 82 chi nhánh;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ chín ngày 28 tháng 02 năm 2012 về việc thêm mã ngành; đồng thời, thay đổi số chi nhánh từ 82 chi nhánh lên 83 chi nhánh;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ mười ngày 18 tháng 04 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ từ 23.355.000.000 VND lên 29.799.990.000 VND; đồng thời, thay đổi thông tin về các chi nhánh với số chi nhánh giảm xuống từ 83 chi nhánh còn 69 chi nhánh;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ mười một ngày 18 tháng 09 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ từ 29.799.990.000 VND lên 45.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ mười hai ngày 24 tháng 12 năm 2015 về việc giải thể tất cả các chi nhánh của Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ mười ba ngày 03 tháng 3 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 45.000.000.000 VND lên thành 60.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là PPP) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 08 3754 7999
- Fax : 08 3754 7996

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: bán buôn thuốc, bán buôn mỹ phẩm; bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm, nước hoa; sản xuất trà; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn; bán buôn trà, bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, bán buôn thực phẩm chức năng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; kinh doanh bất động sản; sản xuất thực phẩm chức năng; sản xuất thuốc; sản xuất ca cao, sô cô la và mút kẹo; và bán buôn đồ uống không có cồn.

Công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại dược phẩm	100%	100%	100%

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý và Ban kiểm soát của Công ty mẹ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý và Ban kiểm soát của Công ty mẹ trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Thái Nhã Ngôn	Chủ tịch
Ông Hồ Vinh Hiến	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên
Bà Lê Thanh Trúc	Thành viên
Ông Tô Ngọc Hân	Thành viên

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Ông Thái Nhã Ngôn	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vinh Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc chất lượng
Ông Nguyễn Minh Hùng	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Hứa Thị Duyên Khoe	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chấn	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty mẹ trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Thái Nhã Ngôn	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (Công ty mẹ) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÒNG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị

THÁI NHÃ NGÔN

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi tắt là “Tập đoàn”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện .

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

DIỆP QUỐC BÌNH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.668.976.777	44.996.419.986
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.834.258.550	10.538.236.849
Tiền	111		8.834.258.550	3.538.236.849
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.439.524.350	17.777.782.805
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.406.250.155	16.116.948.718
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	267.205.000	171.228.709
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.766.069.195	1.489.605.378
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		20.059.378.655	16.324.633.462
Hàng tồn kho	141	5.5	20.059.378.655	16.324.633.462
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		335.815.222	355.766.870
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	82.966.081	224.173.987
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.194.227
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	252.849.141	119.398.656
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.470.210.436	72.422.330.064
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		69.595.115.467	71.300.706.282
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	49.713.081.456	51.139.483.301
Nguyên giá	222		66.630.692.917	66.493.482.008
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.917.611.461)	(15.353.998.707)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	19.882.034.011	20.161.222.981
Nguyên giá	228		21.965.117.967	21.965.117.967
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.083.083.956)	(1.803.894.986)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.266.907	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.266.907	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		871.828.062	1.121.623.782
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	871.828.062	1.121.623.782
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		122.139.187.213	117.418.750.050

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		51.138.675.284	63.141.706.742
Nợ ngắn hạn	310		44.749.675.284	40.310.706.742
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	15.559.698.231	16.570.358.081
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.128.176.307	3.912.235.530
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	133.568.312	128.135.190
Phải trả người lao động	314		44.420.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	27.370.909	617.892.571
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13.1	78.515.607	6.602.438
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14.1	26.169.493.424	18.560.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.15	608.432.494	515.482.932
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		6.389.000.000	22.831.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.13.2	1.389.000.000	1.431.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14.2	5.000.000.000	21.400.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.000.511.929	54.277.043.308
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	71.000.511.929	54.277.043.308
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	45.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>60.000.000.000</i>	<i>45.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.205.500.000	2.205.500.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.043.032.539	2.619.774.643
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.751.979.390	4.451.768.665
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>2.365.916.224</i>	<i>852.511.167</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>3.386.063.166</i>	<i>3.599.257.498</i>
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		122.139.187.213	117.418.750.050

NGÔ THỊ XUÂN PHƯỢNG
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HÙNG
Kế toán trưởng

THÁI NHÃ NGÔN
Tổng Giám đốc
TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	57.627.020.127	50.801.721.326
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	910.975.590	1.478.290.306
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		56.716.044.537	49.323.431.020
Giá vốn hàng bán	11	6.3	45.553.483.865	38.521.833.868
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.162.560.672	10.801.597.152
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	140.951.958	255.656.454
Chi phí tài chính	22	6.5	(694.118.050)	(329.636.949)
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>(694.118.050)</i>	<i>(329.636.949)</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.6	1.448.375.967	1.972.499.259
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	4.295.180.771	3.350.054.793
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.254.073.942	6.064.336.503
Thu nhập khác	31		64.035.840	3.131.879
Chi phí khác	32	6.8	795.860.201	25.333.069
Lỗ khác	40		(731.824.361)	(22.201.190)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.522.249.581	6.042.135.313
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	1.289.670.623	1.357.766.592
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.232.578.958	4.684.368.721
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.232.578.958	4.684.368.721
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	740	884

NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG
 Người lập biểu

NGUYỄN MINH HÙNG
 Kế toán trưởng

THÁI NHÃ NGÔN
 Tổng Giám đốc
 TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.522.249.581	6.042.135.313
Điều chỉnh cho các khoản		-	-
Khấu hao tài sản cố định	02	1.842.801.724	1.823.218.013
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(140.951.958)	(255.656.454)
Chi phí lãi vay	06	(694.118.050)	(329.636.949)
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.529.981.297	7.280.059.923
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.988.406.867	(4.181.602.741)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.734.745.193)	(723.915.354)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.878.424.646)	(2.397.391.877)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	391.003.626	462.546.018
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.519.310.122)	(2.162.336.555)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(941.527.617)	(429.316.328)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.156.178.970	2.489.386.054
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(330.308.334)	(164.251.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(338.745.152)	173.177.240
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(140.477.816)	(395.862.090)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	140.951.958	255.656.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	474.142	3.859.794.364
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.000.000.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	26.169.493.424	48.750.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(34.960.000.000)	(52.030.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.575.200.713)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.634.292.711	(3.280.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	3.296.021.701	752.971.604
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	10.538.236.849	10.445.448.342
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	13.834.258.550	11.198.419.946

NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG

Người lập biểu

NGUYỄN MINH HÙNG

Kế toán trưởng

THÁI NHÀ NGỒN

Tổng Giám đốc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (Công ty mẹ) và công ty con là Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam.

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: PPP
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 6.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 60.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại dược phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: bán buôn thuốc, bán buôn mỹ phẩm; bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm, nước hoa; sản xuất trà; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn; bán buôn trà, bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, bán buôn thực phẩm chức năng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; kinh doanh bất động sản; sản xuất thực phẩm chức năng; sản xuất thuốc; sản xuất ca cao, sô cô la và mứt kẹo; và bán buôn đồ uống không có cồn.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn gồm Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (“công ty mẹ”) và Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam (“công ty con”).

Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam	Lô số 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 184 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 176 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ các hướng dẫn được ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam (công ty con) cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cùng kỳ Báo cáo tài chính giữa niên độ với Công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

4.3 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 8 tháng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc và thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
Tài sản cố định khác	15 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất 40 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng được xem là các bên có liên quan là các nhân sự chủ chốt của Tập đoàn (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt - VND	105.013.515	257.989.049
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	8.729.245.035	3.280.247.800
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	7.000.000.000
	13.834.258.550	10.538.236.849

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi VND có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương - Chi nhánh Tây Sài Gòn. Lãi suất tiền gửi 4,5%/năm. Toàn bộ số tiền được sử dụng để bảo đảm hợp đồng cấp bảo lãnh theo Hợp đồng số 160470006/2016-HĐTĐHM ngày 26 tháng 01 năm 2016 và Hợp đồng số 1605580034/2016-HĐTĐHM ngày 24 tháng 05 năm 2016 – Xem thêm mục 5.14.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Dược phẩm Đại Quang	4.263.260.390	4.015.591.285
Công ty TNHH Dược phẩm Quang Anh	3.402.796.312	3.393.826.477
Công ty TNHH Shine Pharma	-	1.595.613.188
Các khách hàng khác	6.740.193.453	7.111.917.768
	14.406.250.155	16.116.948.718

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH Du lịch Hoàng Thiên	175.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Gia Khang	52.250.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	-	166.153.709
Các khách hàng khác	39.955.000	5.075.000
	267.205.000	171.228.709

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ tạm nộp	1.945.288.934	-	-	-
Phải thu các cửa hàng	525.000.000	-	525.000.000	-
Lãi dự thu	61.875.000	-	17.277.778	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Mười	-	-	159.995.000	-
Tạm ứng	207.905.261	-	8.473.900	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26.000.000	-	26.000.000	-
Các khoản phải thu do chi hộ	-	-	752.858.700	-
	2.766.069.195	-	1.489.605.378	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.840.148.923	-	6.909.661.990	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.945.478.999	-	2.580.430.434	-
Thành phẩm	8.439.063.375	-	5.611.450.926	-
Hàng hóa	1.834.687.358	-	1.223.090.112	-
	20.059.378.655	-	16.324.633.462	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí bảo hiểm	27.912.921	86.541.087
Chi phí sơn nhà máy	55.053.160	137.632.900
	82.966.081	224.173.987

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí thuê gian hàng	118.499.027	132.175.217
Công cụ, dụng cụ	753.329.035	989.448.565
	871.828.062	1.121.623.782

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2016	40.302.809.688	24.777.587.894	1.162.536.807	31.500.000	219.047.619	66.493.482.008
Mua trong kỳ		92.210.909	-	45.000.000	-	137.210.909
Tại ngày 30/06/2016	40.302.809.688	24.869.798.803	1.162.536.807	76.500.000	219.047.619	66.630.692.917
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2016	4.303.298.380	10.195.272.785	604.879.923	31.500.000	219.047.619	15.353.998.707
Khấu hao trong kỳ	479.785.338	1.028.773.258	55.054.158	-	-	1.563.612.754
Tại ngày 30/06/2016	4.783.083.718	11.224.046.043	659.934.081	31.500.000	219.047.619	16.917.611.461
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	35.999.511.308	14.582.315.109	557.656.884	-	-	51.139.483.301
Tại ngày 30/06/2016	35.519.725.970	13.645.752.760	502.602.726	45.000.000	-	49.713.081.456

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	461.118.928	4.376.929.847	141.606.706	31.500.000	219.047.619	5.230.203.100
Tại ngày 30/06/2016	461.118.928	4.376.929.847	141.606.706	31.500.000	219.047.619	5.230.203.100

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30/06/2016 là 13.815.695.418 VND (tại 01/01/2016 là 14.820.650.196 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn – Xem thêm mục 5.14.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	21.935.117.967	30.000.000	21.965.117.967
Tại ngày 30/06/2016	21.935.117.967	30.000.000	21.965.117.967
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	1.782.228.324	21.666.662	1.803.894.986
Khấu hao trong kỳ	274.188.972	4.999.998	279.188.970
Tại ngày 30/06/2016	2.056.417.296	26.666.660	2.083.083.956
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	20.152.889.643	8.333.338	20.161.222.981
Tại ngày 30/06/2016	19.878.700.671	3.333.340	19.882.034.011

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30/06/2016 là 19.878.700.671 VND (tại ngày 01/01/2016 là 20.161.222.981 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng – Xem thêm mục 5.14.2.

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dược Cửu Long	4.150.870.900	4.643.874.600
Công ty TNHH Bao Bì Tấn Thành	1.744.108.949	1.263.096.461
Các nhà cung cấp khác	9.664.718.382	10.663.387.020
	15.559.698.231	16.570.358.081

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Shine Pharma	1.784.223.055	2.738.154.496
Công ty Vĩnh Tường Phát	-	490.819.068
Các khách hàng khác	343.953.252	683.261.966
	2.128.176.307	3.912.235.530

5.11 Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong kỳ			30/06/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Giảm khác	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	63.803.574	-	3.591.186.063	(3.551.720.369)	-	103.269.268	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.149.243	(119.398.656)	1.289.670.623	(941.527.617)	(514.742.734)	-	(252.849.141)
Thuế thu nhập cá nhân	31.172.373	-	90.548.594	(91.431.923)	-	30.289.044	-
Các loại thuế khác	-	-	45.500.001	(45.500.001)	-	-	-
Cộng	128.125.190	(131.592.883)	5.016.905.281	(4.630.179.910)	(514.742.734)	133.558.312	(252.849.141)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.522.249.581	6.042.135.313
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	926.103.534	25.333.069
Thu nhập chịu thuế	6.448.353.115	6.067.468.382
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	6.448.353.115	6.067.468.382
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.289.670.623	1.334.843.044
Điều chỉnh thuế thu TNDN của các năm trước	-	22.923.548
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.289.670.623	1.357.766.592

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Trích trước lương tháng 13	-	533.272.460
Chi phí lãi vay phải trả	27.370.909	84.620.111
	27.370.909	617.892.571

5.13 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	21.159.320	-
Bảo hiểm xã hội	-	6.545.438
Cổ tức phải trả	57.356.287	57.000
	78.515.607	6.602.438

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.13.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân		
Nhận ký quỹ, ký cược	<u>1.389.000.000</u>	<u>1.431.000.000</u>

5.14 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan				
Ông Thái Nhã Ngôn	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Ông Hồ Vinh Hiền	-	-	360.000.000	360.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	-	-	600.000.000	600.000.000
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (*)	26.169.493.424	26.169.493.424	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	9.600.000.000	9.600.000.000
	<u>26.169.493.424</u>	<u>26.169.493.424</u>	<u>18.560.000.000</u>	<u>18.560.000.000</u>

(*) Là các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- a) Hợp đồng tín dụng số 160470006/2016-HĐTDHM/NHCT923-PHONGPHU ngày 26 tháng 01 năm 2016 và Hợp đồng số 160580034/2016-HĐTDHM/NHCT923-PHONGPHU ngày 24 tháng 05 năm 2016 nâng hạn mức tín dụng từ 15.000.000.000 VND lên thành 30.000.000.000 VND.

Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm của Tập đoàn
 Thời hạn vay : Theo từng kế ước nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng
 Lãi suất vay : 9%/năm, điều chỉnh theo từng kế ước nhận nợ
 Hình thức đảm bảo : Toàn bộ hàng hóa tồn kho là nguyên vật liệu dược phẩm các loại với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 15.000.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 160470013/HĐTC ngày 26 tháng 01 năm 2016;
 Thẻ tiết kiệm có kì hạn do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn phát hành, số tiền 5.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 160580053/HĐCC ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Hạn mức vay : 30.000.000.000 VND
 Số dư tại ngày 30/06/2016 : 19.989.706.608 VND

- b) Hợp đồng tín dụng số 160580034/2016-HĐTDHM/NHCT923-PHONGPHU ngày 24 tháng 05 năm 2016:

Mục đích vay : Thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn
 Thời hạn vay : Theo từng kế ước nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng
 Lãi suất vay : 9%/năm, điều chỉnh theo từng kế ước nhận nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Hình thức đảm bảo : Thẻ tiết kiệm có kì hạn do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn phát hành, số tiền 5.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 160580053/HĐCC ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Hạn mức vay : 30.000.000.000 VND

Số dư tại ngày 30/06/2016 : 6.179.786.816 VND

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ tài chính như sau:

	01/01/2016 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	30/06/2016 VND
Vay ngắn hạn các cá nhân	8.960.000.000	-	(8.960.000.000)	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	26.169.493.424	-	26.169.493.424
Vay dài hạn đến hạn trả	9.600.000.000	-	(9.600.000.000)	-
	18.560.000.000	26.169.493.424	18.560.000.000	26.169.493.424

5.14.2 Vay dài hạn

	30/06/2016 Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	01/01/2016 Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn các tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	21.400.000.000	21.400.000.000
	5.000.000.000	5.000.000.000	21.400.000.000	21.400.000.000

(*) Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 150450007/2015-HĐTDDA/NHCT923 ngày 04 tháng 03 năm 2015:

Mục đích vay : Thanh toán nợ vay tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long (MHB), Chi nhánh Chợ Lớn.

Thời hạn vay : 30 tháng kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015

Lãi suất vay : 8,5%/năm

Hình thức đảm bảo : - Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469877, số vào sổ cấp GCN: T00586, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008, địa chỉ: 132 Đường Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
Hợp đồng thế chấp số 150450042/HĐTC ngày 03/03/2015 – Xem thêm mục 5.8

- Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469876, số vào sổ cấp GCN: T00583, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008, địa chỉ: 623 đường Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Quyền sử dụng của theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469875, số vào sổ cấp GCN: T00587, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008, địa chỉ: 313 đường Bình Đông,

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469874, số vào sổ cấp GCN: T00585, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008, địa chỉ: 11 đường Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Quyền sử dụng của theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB694332, số vào sổ cấp GCN: CT02398, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 09 năm 2010, địa chỉ: Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh, đất khu công nghiệp, thời hạn sử dụng đến 16 tháng 08 năm 2050. Hợp đồng thế chấp số 150450047/HĐTC ngày 17/03/2015 – Xem thêm mục 5.8

- Các máy móc thiết bị đang sử dụng tại Nhà máy sản xuất thuốc Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh với giá trị định giá tại thời điểm kí kết hợp đồng là 10.101.600.000 VND Hợp đồng thế chấp số 150450100/HĐTC ngày 14/05/2015 – Xem thêm mục 5.7

- Các tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với Thửa Đất tại địa chỉ: Lô 12, đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh theo giấy phép xây dựng số 74/GPXD ngày 16 tháng 08 năm 2010 với giá trị định giá tại thời điểm kí kết hợp đồng là 17.194.000.000 VND. Hợp đồng thế chấp số 150450101/HĐTC ngày 14/05/2015 – Xem thêm mục 5.8

Hạn mức vay : 34.130.000.000 VND

Số dư tại ngày 30/06/2016 : 5.000.000.000 VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 30/06/2016			
Vay dài hạn ngân hàng	5.000.000.000	-	5.000.000.000
	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tại ngày 01/01/2016			
Vay dài hạn ngân hàng	31.000.000.000	9.600.000.000	21.400.000.000
	31.000.000.000	9.600.000.000	21.400.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2015 VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	30/06/2016 VND
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	21.400.000.000	(16.400.000.000)	5.000.000.000

5.14.3 Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2016 VND	Tăng trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2016 VND
Quỹ khen thưởng	515.482.932	423.257.896	(330.308.334)	608.432.494
	515.482.932	423.257.896	(330.308.334)	608.432.494

5.16 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	45.000.000.000	2.205.500.000	2.138.540.310	852.511.167	50.196.551.477
Lãi trong kỳ	-	-	-	4.722.125.338	4.722.125.338
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	-	-	-	(708.318.801)	(708.318.801)
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển trong kỳ	-	-	472.212.534	(472.212.534)	-
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	45.000.000.000	2.205.500.000	2.610.752.844	4.384.105.170	54.200.358.014
Lãi trong kỳ	-	-	-	90.217.993	90.217.993
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	-	-	-	(13.532.699)	(13.532.699)
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển trong kỳ	-	-	9.021.799	(9.021.799)	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	45.000.000.000	2.205.500.000	2.619.774.643	4.451.768.665	54.277.043.308
Số dư tại ngày 01/01/2016	45.000.000.000	2.205.500.000	2.619.774.643	4.451.768.665	54.277.043.308
Tăng vốn trong kỳ	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	4.232.578.958	4.232.578.958
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(423.257.896)	(423.257.896)
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	423.257.896	(423.257.896)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(2.632.500.000)	(2.632.500.000)
Tăng khác	-	-	-	546.647.559	546.647.559
Số dư tại ngày 30/06/2016	60.000.000.000	2.205.500.000	3.043.032.539	5.751.979.390	71.000.511.929

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Thái Nhã Ngôn	26.768.910.000	44,62%
Bà Lê Thanh Trúc	5.711.600.000	9,52%
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	3.895.820.000	6,49%
Ông Hồ Vinh Hiến	3.119.000.000	5,20%
Các cổ đông khác	20.504.670.000	34,17%
	60.000.000.000	100%

5.16.3 Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.16.4 Phân phối lợi nhuận

Tập đoàn đã tạm trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2016 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty mẹ năm 2016 vào ngày 29 tháng 4 năm 2016 và chia cổ tức theo Nghị quyết số 001/NQ-HĐQT.PP ngày 11 tháng 01 năm 2016 như sau:

	VND
• Trích 10% từ lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2016 cho quỹ đầu tư phát triển :	423.257.896
• Trích 10% từ lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2016 cho quỹ khen thưởng phúc lợi :	423.257.896
• Chia cổ tức theo tỷ lệ 5,85%/cổ phiếu (mỗi một cổ phiếu nhận được 585 đồng) :	2.632.500.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu thành phẩm	26.830.946.485	39.139.011.469
Doanh thu bán hàng	30.796.073.642	11.648.799.112
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	13.910.745
	57.627.020.127	50.801.721.326

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Hàng bán bị trả lại	910.975.590	1.478.290.306
	910.975.590	1.478.290.306

6.3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn thành phẩm	17.385.949.054	29.620.163.096
Giá vốn hàng hóa đã bán	28.167.534.811	8.901.670.772
	45.553.483.865	38.521.833.868

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi	140.951.958	255.656.454
	140.951.958	255.656.454

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí lãi vay kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ		
- Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	1.462.060.920	2.159.749.105
- Ngân sách Nhà nước cấp bù lãi vay	(2.156.178.970)	(2.489.386.054)
	(694.118.050)	(329.636.949)

6.6 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên	1.316.637.062	1.855.217.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.166.668	9.166.668
Chi phí xăng dầu	17.279.346	22.567.175
Chi phí bán hàng khác	105.292.891	85.547.464
	1.448.375.967	1.972.499.259

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên	2.471.194.942	1.786.492.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	334.243.128	319.873.418
Chi phí thuê bảo vệ	234.000.000	234.000.000
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	207.835.027	186.233.410
Chi phí sửa chữa công cụ, dụng cụ, phương tiện vận tải	74.893.739	71.138.650
Chi phí nghiên cứu nhãn hiệu, kiểm nghiệm	74.813.944	66.790.000
Chi phí bảo hiểm hỏa hoạn	58.628.166	57.677.298
Chi phí hội nghị tiếp khách	49.750.254	35.931.746
Chi phí điện thoại	32.898.120	24.960.226
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	756.923.451	566.957.150
	4.295.180.771	3.350.054.793

6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thuế chuyển quyền sở hữu nhà số 30-32 Phong Phú	752.858.700	-
Phạt chậm nộp thuế	36.620.676	-
Phạt vi phạm hành chính	6.380.825	-
Chi phí khác	-	25.333.069
	795.860.201	25.333.069

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND 4.232.578.958	4.684.368.721
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND (423.257.896)	(708.318.801)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND 3.809.321.062	3.976.049.920
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP 5.145.205	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP 740	884

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.714.276.616	25.073.092.889
Chi phí mua hàng	14.191.776.657	9.005.316.616
Chi phí nhân công	7.699.072.321	6.517.585.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.842.801.724	1.823.218.013
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.836.681.837	1.523.704.123
Chi phí khác	1.197.781.590	1.129.166.132
	54.482.390.745	45.072.082.973

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty mẹ đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2016			
Phải trả người bán			
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	15.559.698.231	-	15.559.698.231
Các khoản chi phí phải trả			
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	27.370.909	-	27.370.909
Các khoản phải trả khác			
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	-	1.389.000.000	1.389.000.000
Các khoản vay và nợ			
<i>Vay phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	26.169.493.424	5.000.000.000	31.169.493.424
	41.756.562.564	6.389.000.000	48.145.562.564
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phải trả người bán			
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	16.570.358.081	-	16.570.358.081
Các khoản chi phí phải trả			
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	84.677.111	-	84.677.111
Các khoản phải trả khác			
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	-	1.431.000.000	1.431.000.000
Các khoản vay và nợ			
<i>Vay phải trả các bên liên quan</i>	8.960.000.000	-	8.960.000.000
<i>Vay phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.600.000.000	21.400.000.000	31.000.000.000
	35.215.035.192	22.831.000.000	58.046.035.192

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (*Thuyết minh số 5.8; 5.15.2*).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2016 và 31/12/2015.

iv. Giá trị hợp lý**(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 06 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng				
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	14.406.250.155	16.114.792.718	14.406.250.155	16.114.792.718
Phải thu khác				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	775.077.000	1.481.131.478	775.077.000	1.481.131.478
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	13.834.258.550	10.538.236.849	13.834.258.550	10.538.236.849
	29.015.585.705	28.134.161.045	29.015.585.705	28.134.161.045
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán				
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	15.559.698.231	16.570.358.081	15.559.698.231	16.570.358.081
Chi phí phải trả				
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	27.370.909	84.677.111	27.370.909	84.677.111
Các khoản phải trả khác				
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	1.389.000.000	1.431.000.000	1.389.000.000	1.431.000.000
Các khoản vay và nợ				
<i>Vay phải trả các bên liên quan</i>	-	8.960.000.000	-	8.960.000.000
<i>Vay phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	31.169.493.424	31.000.000.000	31.169.493.424	31.000.000.000
	48.145.562.564	58.046.035.192	48.145.562.564	58.046.035.192

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ phải trả cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Đối tượng	Nội dung	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ông Thái Nhã Ngôn	Phải trả tiền vay	-	(8.000.000.000)
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phải trả tiền vay	-	(600.000.000)
Ông Hồ Vinh Hiển	Phải trả tiền vay	-	(360.000.000)
<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</i>			
		Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thù lao, lương và thưởng		1.394.636.564	722.644.615
		1.394.636.564	722.644.615

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác trong kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Công nợ với các bên liên quan khác

Tập đoàn không có số dư công nợ với các bên liên quan khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất, kinh doanh dược phẩm tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG
Người lập

NGUYỄN MINH HÙNG
Kế toán trưởng

THÁI NHÃ NGÒN
Tổng Giám đốc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016